

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DSST

Ngày: 25/01/2021

“V/v tranh chấp Hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Xuân Thu;

Các Hội thẩm nhân dân: bà Huỳnh Thị Minh Tuyết và ông Hà Trọng Khá.

- Thư ký phiên Tòa: Bà Phan Thị Thanh Nguyệt - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 178/2026/TLST - DS ngày 27 tháng 10 năm 2016 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2020/QĐST - DS ngày 15 tháng 12 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị S, sinh năm 1964;

Địa chỉ: 27 đường T, phường X, thành phố Y, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (Có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1985;

Nơi cư trú: 148/23 Trần Hưng Đạo, phường 6, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn T, sinh năm 1982; nơi ĐKTT: thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Chỗ ở: thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị Thanh Sương trình bày được tóm tắt như sau: Yêu cầu bà Nguyễn Thị T trả 9.400.000đ tiền nợ gốc mua xe trả góp và tiền lãi theo mức lãi suất 1,125%/tháng kể từ ngày mua xe đến khi trả hết nợ. (theo Giấy cam kết nhận nợ mua xe ngày 10/9/2012).

* Bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt nên không trình bày.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn T trình bày được tóm tắt như sau:* Ông là nhân viên của Doanh nghiệp tư nhân thương mại (DNTN TM) T chuyên về mua bán xe máy trả góp từ tháng 4/2007 đến tháng 4/2012, được bà Hồ Thị S ủy quyền đứng tên trên các Giấy đăng ký xe cho khách hàng mua xe trả góp, khi khách hàng trả xong tiền góp xe thì Ông sẽ liên hệ Phòng Cảnh sát giao thông sang nhượng tên xe cho khách chứ ông T không phải là chủ sở hữu các xe mô tô do DNTN TM T bán cho khách hàng (Giấy tờ gốc đều do bà S giữ). Bản thân ông là chủ sở hữu đối với 02 xe gắn máy loại cup 50 (Giấy đăng ký xe biển số 78AF-020.96 và 78AF-02039).

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

+ Về nội dung vụ án: căn cứ các điều 428, 431, 432, 438, 439, 461 và 305 Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2005 đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tiền nợ gốc 9.400.000đ mua xe và tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 10/9/2012. Về án phí: buộc bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ về hợp đồng mua bán tài sản, là tranh chấp hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại thành phố T nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa thụ lý thuộc thẩm quyền.

[2] Thủ tục giải quyết vắng mặt đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hồ Thị S có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn bỏ địa phương đi nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết về nơi cư trú nên thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Văn T vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự và điều 5, 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Cùng với việc khởi kiện, nguyên đơn cung cấp bản gốc Giấy cam kết nhận nợ mua xe máy trả góp lập ngày 10/9/2012, người mua xe bà Nguyễn Thị T, mua xe hiệu Suvina, số khung 001750, số máy 231750, còn nợ số tiền 9.400.000đ, hẹn ngày 10/10/2012 trả nợ. Tòa án đã yêu cầu bà S cung cấp chứng cứ chứng minh quyền sở hữu đối với xe mô tô hiệu Suvina, số khung 001750, số máy 231750 (Giấy đăng ký xe) nhưng bà S không cung cấp.

[3.2] Căn cứ Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngày 07/8/2019 (bút lục 13) của Công an huyện Đ cung cấp thông tin chủ xe mô tô 78M1-4675, số máy LFAV1P52FMH36L231750, số khung RMNWCH5MN8H001750 là ông Lê Văn T. Đối chiếu với lời khai của ông T, bà S đủ cơ sở xác định: Xe mô tô biển số 78M1 - 4675 là tài sản của DNTN TM T; ông T chỉ là người đứng tên hộ trên giấy đăng ký xe cho khách hàng mua xe; toàn bộ hồ sơ giấy tờ đứng tên trên giấy đăng ký xe do bà S giữ. Do đó, xe mô tô biển số 78M1 - 4675 mà DNTN TM T bán cho bà Nguyễn Thị T là tài sản của DNTN TM T. Hội đồng xét xử công nhận Giấy cam kết nhận nợ mua xe máy trả góp lập ngày 10/9/2012 giữa DNTN TM T và bà T có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm giao kết.

[3.3] Theo Giấy cam kết nhận nợ mua xe máy trả góp lập ngày 10/9/2012, bà Hiền vẫn còn nợ DNTN TM T tiền mua xe máy trả góp tính đến ngày 10/9/2012 là 9.400.000đ. Quá trình giải quyết vụ án, bà T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại Tòa để cung cấp chứng cứ chứng minh cho việc đã trả nợ tiền mua xe cho bà S. Do đó, cần buộc bà T phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền mua xe máy còn nợ lại cho bà S là 9.400.000đ.

[3.4] Về tiền lãi chậm trả tiền: Trong Giấy cam kết nhận nợ, 02 bên thỏa thuận thời gian trả nợ đến ngày 10/10/2012, lãi 1,5%/tháng. Về thỏa thuận lãi suất chậm trả tiền 1,5%/tháng trong Giấy cam kết nhận nợ là trái quy định nên điều chỉnh lại mức lãi suất chậm trả tiền bằng 150% lãi suất cơ bản 9%/năm (Theo Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010). Tiền lãi phải trả từ ngày 10/9/2012 đến ngày 25/01/2021 là: $9.400.000đ \times 13.5\%/năm \times 8 \text{ năm } 4 \text{ tháng } 15 \text{ ngày} = 10.627.875đ$. Tổng cộng tiền nợ bà T phải trả cho nguyên đơn là: $9.400.000đ + 10.627.875đ = 20.027.875đ$.

[4] Sau khi bà T trả xong nợ và có yêu cầu thủ tục sang tên chủ sở hữu xe mô tô biển số 78M1 - 4675 thì bà S và ông T phải có trách nhiệm hoàn tất thủ tục sang tên cho bà T

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 428, 431, 432, 438, 439, 461 và 305 của Bộ luật dân sự năm 2005.

Khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị S, buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Hồ Thị S khoản tiền nợ theo Giấy cam kết nợ mua xe máy trả góp ngày 10/9/2012 là 20.027.875đ (*Hai mươi triệu không trăm hai*

mười bảy nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng) trong đó: Tiền gốc 9.400.000đ (*Chín triệu bốn trăm nghìn đồng*); tiền lãi 10.627.875đ (*Mười triệu sáu trăm hai mươi bảy nghìn tám trăm bảy mươi lăm đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức ngày 26/01/2021) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi bà T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ và có yêu cầu thủ tục sang tên chủ sở hữu xe mô tô biển số 78M1 - 4675 thì bà Hồ Thị S và ông Lê Văn T có nghĩa vụ chuyển quyền sở hữu xe mô tô biển số 78M1-4675, số máy LFAV1P52FMH36L231750, số khung RMNWCH5MN8H001750 cho bà Nguyễn Thị T, lệ phí sang tên và thuế trước bạ lần 2 do bà T nộp.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 1.001.000đ (*Một triệu không trăm linh một nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Hồ Thị S số tiền 235.000đ (*Hai trăm ba mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0002027 ngày 25 tháng 10 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Thu

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Tuy Hòa;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Thu

